



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen  
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 31 tháng 3 năm 2023**



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp**

3700381324

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 27 tháng 3 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Phước Vũ  
Ông Trần Ngọc Chu  
Ông Trần Quốc Trí  
Ông Lý Văn Xuân  
Ông Nguyễn Văn Luân  
Ông Đinh Viết Duy

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Quốc Trí  
Ông Vũ Văn Thanh  
Ông Hoàng Đức Huy  
Ông Trần Quốc Phẩm  
Ông Nguyễn Ngọc Huy  
Ông Trần Thành Nam  
Ông Nguyễn Tấn Hòa  
Ông Nguyễn Minh Phúc

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Quyền Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện  
theo pháp luật**

Ông Lê Phước Vũ  
Ông Trần Ngọc Chu  
Ông Trần Quốc Trí

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Số 9, Đại lộ Thống Nhất  
Khu Công nghiệp Sóng Thần II  
Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An  
Tỉnh Bình Dương  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Ngọc Chu  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2023





KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 5 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00214-23-2



Phạm Thị Hoàng Anh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3434-2022-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Lệ Hằng  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3782-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2023



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2023**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/3/2023 VND</b>	<b>1/10/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>10.133.865.551.755</b>	<b>9.834.993.231.398</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>325.497.600.346</b>	<b>330.134.957.719</b>
Tiền	111		309.847.600.346	312.367.302.226
Các khoản tương đương tiền	112		15.650.000.000	17.767.655.493
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>25.586.622.659</b>	<b>8.698.661.821</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	25.586.622.659	8.698.661.821
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.925.405.464.816</b>	<b>1.452.105.119.089</b>
Phải thu của khách hàng	131	8(a)	1.577.111.016.586	1.185.661.917.716
Trả trước cho người bán	132	9	193.690.368.071	117.395.280.068
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	165.832.833.014	162.755.089.894
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8(c)	(11.228.752.855)	(13.707.168.589)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>7.012.672.880.497</b>	<b>7.395.309.339.966</b>
Hàng tồn kho	141		7.198.612.734.543	8.110.988.499.714
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(185.939.854.046)	(715.679.159.748)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>844.702.983.437</b>	<b>648.745.152.803</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	149.473.451.046	139.831.025.949
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18(b)	555.349.082.477	372.839.784.442
Thuế phải thu Nhà nước	153	18(c)	139.880.449.914	136.074.342.412

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/3/2023 VND</b>	<b>1/10/2022 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>6.630.010.925.442</b>	<b>7.190.417.956.533</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>153.404.291.600</b>	<b>171.495.291.600</b>
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	153.404.291.600	171.495.291.600
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.473.505.825.124</b>	<b>5.958.828.374.791</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.268.409.652.575	5.754.616.934.906
Nguyên giá	222		14.146.378.763.145	14.086.733.048.716
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.877.969.110.570)	(8.332.116.113.810)
Tài sản cố định vô hình	227	13	205.096.172.549	204.211.439.885
Nguyên giá	228		302.333.873.079	293.960.791.261
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.237.700.530)	(89.749.351.376)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>596.731.085.552</b>	<b>603.535.433.172</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	596.731.085.552	603.535.433.172
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>17.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(a)	1.000.000.000	17.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>405.369.723.166</b>	<b>439.558.856.970</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	302.200.405.681	295.431.936.752
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	103.169.317.485	144.126.920.218
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>16.763.876.477.197</b>	<b>17.025.411.187.931</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>6.365.570.815.454</b>	<b>6.141.841.220.117</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.348.134.011.670</b>	<b>6.009.187.395.647</b>
Phải trả người bán	311	17	1.932.362.579.036	1.039.714.645.178
Người mua trả tiền trước	312		223.614.412.553	192.124.686.232
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18(a)	131.126.183.163	81.565.802.418
Phải trả người lao động	314		59.956.656.418	86.424.884.228
Chi phí phải trả	315	19	156.328.715.006	297.172.261.839
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	68.917.770.826	34.991.769.952
Vay ngắn hạn	320	21(a)	3.577.665.937.842	4.070.493.519.978
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	198.161.756.826	206.699.825.822
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.436.803.784</b>	<b>132.653.824.470</b>
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
Vay dài hạn	338	21(b)	-	116.525.575.061
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	16.727.303.784	15.418.749.409
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>10.398.305.661.743</b>	<b>10.883.569.967.814</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>10.398.305.661.743</b>	<b>10.883.569.967.814</b>
Vốn cổ phần	411	25	5.980.549.860.000	5.980.549.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.980.549.860.000	5.980.549.860.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		157.292.539.068	157.292.539.068
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		150.291.788.900	187.499.009.876
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.094.104.223.806	4.542.183.640.565
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		4.518.306.214.202	4.290.842.310.436
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		(424.201.990.396)	251.341.330.129
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		16.067.249.969	16.044.918.305
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>16.763.876.477.197</b>	<b>17.025.411.187.931</b>

Ngày 24 tháng 5 năm 2023

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2023 VND	31/3/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	15.023.787.773.745	29.703.689.255.011
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	125.492.521.516	109.407.030.612
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>14.898.295.252.229</b>	<b>29.594.282.224.399</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	13.804.628.151.045	26.041.753.716.713
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.093.667.101.184</b>	<b>3.552.528.507.686</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	105.499.123.452	125.277.845.765
Chi phí tài chính	22	30	188.571.707.880	190.915.130.323
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>104.934.036.334</i>	<i>127.478.392.030</i>
Chi phí bán hàng	25	31	1.204.161.716.556	2.153.804.057.868
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	207.575.617.668	303.086.766.250
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(401.142.817.468)</b>	<b>1.030.000.399.010</b>
Thu nhập khác	31	33	38.412.956.000	16.284.870.476
Chi phí khác	32		1.343.445.503	2.453.998.117
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>37.069.510.497</b>	<b>13.830.872.359</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(364.073.306.971)</b>	<b>1.043.831.271.369</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	19.148.749.028	179.906.293.195
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	35	40.957.602.733	(9.094.498.215)
<b>(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>(424.179.658.732)</b>	<b>873.019.476.389</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2023 VND	31/3/2022 VND
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		(424.179.658.732)	873.019.476.389
Trong đó:				
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(424.201.990.396)	873.026.140.038
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		22.331.664	(6.663.649)
(Lỗ)/lãi trên cổ phiếu				
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	(709)	1.698

Ngày 24 tháng 5 năm 2023


Người lập

  
 Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
 Kế toán

Người duyệt

  
 Nguyễn Thị Ngọc Lan  
 Kế toán trưởng



  
 Trần Ngọc Chu  
 Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	31/3/2023 VND	31/3/2022 VND	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(364.073.306.971)</b>	<b>1.043.831.271.369</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	578.937.447.189	581.033.394.433
Các khoản dự phòng	03	(517.201.998.472)	(47.416.792.737)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(10.166.384.832)	2.270.065.379
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.995.565.272)	(8.217.773.187)
Chi phí lãi vay	06	104.934.036.334	127.478.392.030
<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(216.565.772.024)</b>	<b>1.698.978.557.287</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(643.634.592.885)	3.222.328.662.197
Biến động hàng tồn kho	10	902.030.595.503	770.149.814.591
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	911.820.608.037	(5.399.725.273.359)
Biến động chi phí trả trước	12	25.502.972.220	(16.031.090.611)
		<b>979.153.810.851</b>	<b>275.700.670.105</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(105.697.383.919)	(133.244.384.672)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(19.180.323.541)	(302.615.781.690)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(69.622.716.335)	(40.962.684.410)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>784.653.387.056</b>	<b>(201.122.180.667)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2023 VND	31/3/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(208.663.337.730)	(201.348.979.290)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		16.081.186.759	3.819.595.312
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		(17.020.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu	24		16.132.039.162	19.325.858.838
Tiền thu lãi tiền gửi và lãi các khoản đầu tư tài chính	27		1.865.798.053	7.289.952.791
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(191.604.313.756)</b>	<b>(170.913.572.349)</b>

<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		8.655.108.551.228	20.593.411.934.649
Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.264.461.708.425)	(20.385.786.344.056)
Tiền trả cổ tức	36		-	(6.128.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(609.353.157.197)</b>	<b>207.619.462.093</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(16.304.083.897)</b>	<b>(164.416.290.923)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>330.134.957.719</b>	<b>492.796.782.190</b>
<b>Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>11.666.726.524</b>	<b>26.612.476.164</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>325.497.600.346</b>	<b>354.992.967.431</b>

Ngày 24 tháng 5 năm 2023


Người lập

  
 Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
 Kế toán

Người duyệt

  
 Nguyễn Thị Ngọc Lan  
 Kế toán trưởng



  
 Trần Ngọc Chu  
 Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Tập đoàn có 9 công ty con, 1 công ty liên kết (1/10/2022: 9 công ty con, 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết 31/3/2023 1/10/2022	
<b>Các công ty con</b>			
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp kim loại.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	Sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	99,95%	99,95%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu trung tâm thương mại.	95,962%	95%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>			
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.	49%	49%

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Tập đoàn có 7.567 nhân viên (1/10/2022: 7.994 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

### **(a) Cơ sở hợp nhất**

#### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 20 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được trích khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí san lấp mặt bằng**

Chi phí san lấp mặt bằng bao gồm tiền chi ra cho việc san lấp mặt bằng trước xây dựng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 49 năm 8 tháng.

**(iii) Chi phí thuê**

Chi phí thuê trả trước bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

**(iv) Bảng hiệu quảng cáo**

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(v) Chi phí sửa chữa**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng tối đa 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các thuyết minh khác được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(n) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Thu nhập lãi tiền gửi**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(q) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, vật liệu xây dựng và các sản phẩm liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ.

**5. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là mua bán tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và ngày 1 tháng 10 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 và ngày 31 tháng 3 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	<b>Bộ phận chia theo khu vực địa lý</b>		
	<b>Trong nước VND</b>	<b>Nước ngoài VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023</b>			
Doanh thu thuần	9.513.510.066.822	5.384.785.185.407	14.898.295.252.229
Giá vốn	(8.709.994.724.394)	(5.094.633.426.651)	(13.804.628.151.045)
	803.515.342.428	290.151.758.756	1.093.667.101.184
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022</b>			
Doanh thu thuần	13.449.591.349.443	16.144.690.874.956	29.594.282.224.399
Giá vốn	(11.804.746.662.992)	(14.237.007.053.721)	(26.041.753.716.713)
	1.644.844.686.451	1.907.683.821.235	3.552.528.507.686

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
Tiền mặt	13.964.202.555	16.020.557.918
Tiền gửi ngân hàng	295.797.032.791	296.346.744.308
Tiền đang chuyển	86.365.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	15.650.000.000	17.767.655.493
	325.497.600.346	330.134.957.719

- (\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 4,6% đến 5,1% (1/10/2022: từ 3,3% đến 4,6%).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, tiền gửi có kỳ hạn với số dư là 15.650 triệu VND (1/10/2022: 17.768 triệu VND) được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương.

**7. Các khoản đầu tư tài chính**

- (a) **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

- (i) **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 4% đến 7,5% (1/10/2022: từ 4% đến 4,9%).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, tiền gửi có kỳ hạn với số dư là 3.000 triệu VND, 566 triệu VND và 2.020 triệu VND (1/10/2022: 3.132 triệu VND và 566 triệu VND) lần lượt được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	-	16.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.000.000.000	17.000.000.000

(\*) Trái phiếu này có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%.

(\*\*) Trái phiếu này có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/3/2023		1/10/2022	
	% vốn chủ sở hữu/quyền biểu quyết	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu/quyền biểu quyết	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND Giá gốc VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (*)	49%	-	49%	-

(\*) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, theo đó Tập đoàn nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hyosung Tnc Corporation	256.347.536.465	-
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	236.062.986.887	-
Duferco Sa	99.353.113.656	244.637.500.168
Các khách hàng khác	985.347.379.578	941.024.417.548
	<hr/>	
	1.577.111.016.586	1.185.661.917.716
	<hr/>	

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	236.062.986.887	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	59.400.000	-
	<hr/>	

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/3/2023			1/10/2022				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Xây Dựng Mê Kông	-	-	-	-	Trên 4 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-
Công ty TNHH Hải Thủy	-	-	-	-	Trên 6 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-
Công ty TNHH Thép Xây Dựng Hiệp Loan	-	-	-	-	Trên 3 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thái	-	-	-	-	Trên 6 năm Từ 2 đến	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-
Các khách hàng khác	Dưới 1 năm	11.228.752.855	(11.228.752.855)	-	trên 5 năm	8.246.557.128	(8.246.557.128)	-
		<b>11.228.752.855</b>	<b>(11.228.752.855)</b>	<b>-</b>		<b>13.707.168.589</b>	<b>(13.707.168.589)</b>	<b>-</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>31/3/2023</b>	<b>31/3/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	13.707.168.589	16.849.295.152
Dự phòng trích lập trong kỳ	11.228.752.855	-
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(13.707.168.589)	(1.505.763.763)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(109.655.455)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	11.228.752.855	15.233.875.934

**9. Trả trước cho người bán**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i> Công ty TNHH Tổ chức Biểu diễn Nghệ thuật và Hòa nhạc Quốc tế Hoa Sen	11.000.000.000	-
<i>Các bên thứ ba</i> Công ty TNHH Con Mưa Nhỏ	44.488.678.059	9.445.374.912
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Trung Nguyên	8.000.000.000	15.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT	23.242.241.993	300.000
Các nhà cung cấp khác	106.959.448.019	92.349.605.156
	<hr/>	<hr/>
	193.690.368.071	117.395.280.068

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng để mua đất	53.832.470.000	53.832.470.000
Tạm ứng cho người lao động	27.011.889.613	32.492.267.608
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.775.000	12.818.775.000
Tạm ứng bồi thường và giải phóng mặt bằng	20.000.000.000	20.000.000.000
Ký quỹ ngắn hạn và đặt cọc thuê mặt bằng	35.138.421.212	35.975.205.196
Tài sản thiếu chờ xử lý	10.345.169.668	1.631.088.893
Phải thu khác	6.686.107.521	6.005.283.197
	<hr/>	<hr/>
	165.832.833.014	162.755.089.894
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**(i) Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	1.100.000.000	1.448.000.000
<i>Nhân sự chủ chốt</i>		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.462.225.000	45.462.225.000
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đặt cọc thuê mặt bằng	139.404.291.600	161.495.291.600
Phải thu khác	14.000.000.000	10.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	153.404.291.600	171.495.291.600
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Hàng tồn kho**

	31/3/2023		1/10/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	282.777.228.301	-	121.427.071.099	-
Nguyên vật liệu	2.586.881.028.893	(59.394.899.504)	3.048.486.580.997	(417.399.664.065)
Công cụ và dụng cụ	558.688.661.565	-	603.798.226.059	-
Sản phẩm dở dang	653.676.909	-	4.834.046	-
Thành phẩm	2.568.270.455.578	(88.032.948.196)	2.788.849.194.981	(224.568.764.408)
Hàng hóa	1.201.341.683.297	(38.512.006.346)	1.548.422.592.532	(73.710.731.275)
	<b>7.198.612.734.543</b>	<b>(185.939.854.046)</b>	<b>8.110.988.499.714</b>	<b>(715.679.159.748)</b>

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 4.149.545 triệu VND (1/10/2022: 4.603.003 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21).

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023 VND	31/3/2022 VND
Số dư đầu kỳ	715.679.159.748	206.895.014.407
Dự phòng trích lập trong kỳ	130.388.156.845	4.104.150.729
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(660.127.462.547)	(52.202.101.681)
Số dư cuối kỳ	<b>185.939.854.046</b>	<b>158.797.063.455</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.843.121.743.939	10.619.315.671.481	508.175.262.734	87.597.045.920	28.523.324.642	14.086.733.048.716
Tăng trong kỳ	244.920.999	25.622.181.626	4.121.150.108	-	9.597.000	29.997.849.733
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	31.874.954.226	19.699.132.648	1.935.729.948	-	8.130.113.152	61.639.929.974
Thanh lý	-	(29.786.116.938)	(270.000.000)	-	-	(30.056.116.938)
Xóa sổ	(760.529.422)	(1.175.418.918)	-	-	-	(1.935.948.340)
Số dư cuối kỳ	2.874.481.089.742	10.633.675.449.899	513.962.142.790	87.597.045.920	36.663.034.794	14.146.378.763.145
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	942.983.810.820	6.926.009.712.069	370.275.810.842	67.717.454.776	25.129.325.303	8.332.116.113.810
Khấu hao trong kỳ	86.975.585.681	451.641.810.485	26.902.920.229	4.986.892.892	941.888.748	571.449.098.035
Thanh lý	-	(23.752.471.111)	(201.821.918)	-	-	(23.954.293.029)
Xóa sổ	(657.410.820)	(984.397.426)	-	-	-	(1.641.808.246)
Số dư cuối kỳ	1.029.301.985.681	7.352.914.654.017	396.976.909.153	72.704.347.668	26.071.214.051	8.877.969.110.570
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	1.900.137.933.119	3.693.305.959.412	137.899.451.892	19.879.591.144	3.393.999.339	5.754.616.934.906
Số dư cuối kỳ	1.845.179.104.061	3.280.760.795.882	116.985.233.637	14.892.698.252	10.591.820.743	5.268.409.652.575



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 2.603.672 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 (1/10/2022: 1.974.982 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 3.525.004 triệu VND (1/10/2022: 4.165.082 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21).

**13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	234.468.842.108	59.491.949.153	293.960.791.261
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	8.373.081.818	8.373.081.818
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>234.468.842.108</b>	<b>67.865.030.971</b>	<b>302.333.873.079</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	47.941.387.135	41.807.964.241	89.749.351.376
Khấu hao trong kỳ	1.720.690.752	5.767.658.402	7.488.349.154
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>49.662.077.887</b>	<b>47.575.622.643</b>	<b>97.237.700.530</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	186.527.454.973	17.683.984.912	204.211.439.885
Số dư cuối kỳ	184.806.764.221	20.289.408.328	205.096.172.549

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 751 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 (1/10/2022: 751 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 85.261 triệu VND (1/10/2022: 86.072 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023 VND	31/3/2022 VND
Số dư đầu kỳ	603.535.433.172	660.329.384.725
Tăng trong kỳ	107.677.985.955	192.774.553.006
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(61.639.929.974)	(96.683.784.667)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(8.373.081.818)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(4.449.175.265)	(515.157.275)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(37.464.690.981)	(16.519.706.039)
Xóa sổ	(2.555.455.537)	-
Số dư cuối kỳ	596.731.085.552	739.385.289.750

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	23.530.693.513	29.718.688.740
Chi phí xây dựng và nâng cấp dự án Hoa Sen Home	63.375.011.666	73.383.240.019
Chi phí xây dựng dự án Hoa Sen Yên Bái	385.761.748.177	382.406.762.021
Chi phí giải phóng mặt bằng dự án Hoa Sen Hà Nam	38.794.072.000	38.794.072.000
Chi phí san lấp mặt bằng dự án Hoa Sen Phú Mỹ	11.500.000.000	11.500.000.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	14.637.316.677	19.269.541.640
Phần mềm máy tính chờ lắp đặt	10.130.962.700	6.696.412.700
Các công trình khác	49.001.280.819	41.766.716.052
	596.731.085.552	603.535.433.172

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 2.206 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/3/2022: 2.615 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê trả trước	81.564.970.138	66.582.136.763
Công cụ và dụng cụ	29.353.050.234	36.899.099.334
Chi phí quảng cáo	15.576.591.576	7.532.677.931
Chi phí sửa chữa	7.785.412.747	6.857.793.038
Phí bảo hiểm	1.702.541.919	7.713.933.585
Chi phí tư vấn	1.719.867.866	815.945.168
Chi phí khác	11.771.016.566	13.429.440.130
	<hr/>	<hr/>
	149.473.451.046	139.831.025.949
	<hr/>	<hr/>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ và dụng cụ	86.657.924.556	92.167.184.244
Chi phí san lấp mặt bằng	72.406.809.021	73.245.496.479
Chi phí thuê trả trước	49.015.477.705	52.877.446.322
Chi phí sửa chữa	36.238.114.225	28.347.650.038
Bảng hiệu quảng cáo	34.743.427.910	25.982.420.589
Chi phí khác	23.138.652.264	22.811.739.080
	<hr/>	<hr/>
	302.200.405.681	295.431.936.752
	<hr/>	<hr/>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>31/3/2023</b>	<b>31/3/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	295.431.936.752	263.776.212.655
Tăng trong kỳ	35.153.093.752	54.659.672.203
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	37.464.690.981	16.519.706.039
Phân bổ trong kỳ	(64.542.598.855)	(53.835.928.621)
Thanh lý	(1.306.716.949)	(42.918.923)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	302.200.405.681	281.076.743.353
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả)		
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	41.078.419.105	4.864.444.988
▪ Chi phí phải trả	41.578.259.507	90.736.147.414
▪ Các khoản dự phòng	22.597.320.225	48.526.327.816
▪ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.084.681.352)	-
	103.169.317.485	144.126.920.218

**17. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/3/2023 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/10/2022 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Thép Vương	353.038.679.828	-
Công ty TNHH Thép Kim Quốc	333.915.549.231	-
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	259.780.812.281	484.333.050.520
Công ty Cổ Phần Thép Hòa Phát Dung Quất	202.242.530.829	-
Các nhà cung cấp khác	783.385.006.867	555.381.594.658
	1.932.362.579.036	1.039.714.645.178

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/3/2023 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/10/2022 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	4.630.637.911	4.350.064.783
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	568.492.482	3.670.024.946

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**18. Thuế**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/10/2022 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	Số phân loại lại VND	31/3/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	67.012.290.644	4.001.302.724.875	(412.162.433.645)	(3.538.372.911.954)	-	117.779.669.920
Thuế xuất nhập khẩu	79.574.109	1.131.994.702	(1.204.826.060)	-	-	6.742.751
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.811.010.823	19.148.749.028	(19.180.323.541)	(75.500.098)	747.729.701	12.451.665.913
Thuế thu nhập cá nhân	2.662.455.482	14.441.364.340	(20.124.753.984)	-	3.134.827.268	113.893.106
Thuế khác	471.360	7.257.000.732	(6.482.311.250)	(949.369)	-	774.211.473
	81.565.802.418	4.043.281.833.677	(459.154.648.480)	(3.538.449.361.421)	3.882.556.969	131.126.183.163

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1/10/2022	Số phát sinh	Số đã cân trừ	Số được hoàn	31/3/2023
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	372.839.784.442	4.096.962.209.989	(3.538.372.911.954)	(376.080.000.000)	555.349.082.477
<hr/>					
(c) Thuế phải thu Nhà nước					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	136.009.720.908		(75.500.098)	747.729.701	136.681.950.511
Thuế thu nhập cá nhân	63.672.135		-	3.134.827.268	3.198.499.403
Các loại thuế khác	949.369		(949.369)	-	-
	136.074.342.412		(76.449.467)	3.882.556.969	139.880.449.914

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Chi phí phải trả**

	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
Chi phí lương và thưởng	91.034.113.747	232.043.282.166
Chi phí tiền điện	10.568.634.955	14.202.019.186
Chi phí vận chuyển	4.113.606.224	8.961.490.341
Xây dựng cơ bản dở dang	8.571.492.592	8.810.441.608
Chi phí lãi vay	3.047.754.286	3.811.101.871
Chi phí hỗ trợ bán hàng	21.919.082.385	-
Chi phí khác	17.074.030.817	29.343.926.667
	156.328.715.006	297.172.261.839

**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	49.262.161.886	16.095.878.082
Cổ tức phải trả	3.546.546.977	3.546.546.977
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.114.614.395	2.590.979.890
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	3.398.397.992	-
Phải trả khác	11.596.049.576	12.758.365.003
	68.917.770.826	34.991.769.952



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/10/2022		Biến động trong kỳ		31/3/2023
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	3.635.557.150.716	8.655.108.551.228	(8.712.999.764.102)	3.577.665.937.842	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	434.936.369.262	42.274.905.619	(477.211.274.881)	-	
	4.070.493.519.978	8.697.383.456.847	(9.190.211.038.983)	3.577.665.937.842	



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

<b>Bên cho vay</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>31/3/2023</b> VND	<b>1/10/2022</b> VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	1.566.948.615.594	67.760.505.201
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	-	1.299.533.881.430
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	1.811.844.214.371	1.338.014.916.558
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	-	151.710.297.416
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(iii)	VND	78.888.554.917	421.607.418.953
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(iv)	VND	-	266.930.131.158
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	(v)	VND	72.984.552.960	-
▪ Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(vi)	VND	47.000.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	(vii)	VND	-	90.000.000.000
			<b>3.577.665.937.842</b>	<b>3.635.557.150.716</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	31/3/2023	Lãi suất	1/10/2022	Tài sản đảm bảo
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	VND USD	4.000 tỷ VND	6,00%	3,86% - 4,10%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, các khoản phải thu và hàng tồn kho	
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND USD	2.400 tỷ VND	5,90% - 7,00%	4,50% - 5,0% - 1,60% - 1,90%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho, nhà cửa, vật kiến trúc, khoản phải thu	
iii. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	60 triệu USD	6,80%	4,30% - 5,0%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định, công ty con	
iv. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND	23 triệu USD	-	4,30% - 5,20%	Hàng tồn kho	
v. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	VND	200 tỷ VND	6,80%	-	Quyền sử dụng đất, tài sản cố định và hàng tồn kho	
vi. Ngân hàng Đại chúng Kasikornbank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	10 triệu USD	4,13%	-	Hàng tồn kho	
vii. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	VND	800 tỷ VND	-	5,50%	Hàng tồn kho	



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	-	551.461.944.323
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(434.936.369.262)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	116.525.575.061

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	2021 – 2024	-	477.211.274.881
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	(ii)	VND	2024	-	74.250.669.442
				-	551.461.944.323

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 7,6% (1/10/2022: 7,6%).

(ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm từ 7,7% đến 9,1% (1/10/2022: từ 7,7% đến 9,1%).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	206.699.825.822	75.028.510.629
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	10.053.653.206	172.540.289.352
Sử dụng quỹ trong kỳ	(18.591.722.202)	(13.809.460.489)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	198.161.756.826	233.759.339.492

## **23. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	15.418.749.409	13.917.954.327
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.308.554.375	790.813.670
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	16.727.303.784	14.708.767.997



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2021</b>	4.934.818.960.000	157.292.539.068	90.695.201.265	5.633.071.186.571	15.915.941.950	10.831.793.828.854
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	-	-	-	873.026.140.038	(6.663.649)	873.019.476.389
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(172.540.289.352)	-	(172.540.289.352)
Phân bổ vào quỹ (iii)	-	-	172.965.686.783	(172.965.686.783)	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	(27.153.223.921)	-	-	(27.153.223.921)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2022</b>	4.934.818.960.000	157.292.539.068	236.507.664.127	6.160.591.350.474	15.909.278.301	11.505.119.791.970
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(621.684.809.909)	(14.359.996)	(621.699.169.905)
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức (i)	996.722.900.000	-	-	(996.722.900.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ii)	49.008.000.000	-	-	-	-	49.008.000.000
Sử dụng các quỹ	-	-	(49.008.654.251)	-	-	(49.008.654.251)
Góp vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	150.000.000	150.000.000
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2022</b>	5.980.549.860.000	157.292.539.068	187.499.009.876	4.542.183.640.565	16.044.918.305	10.883.569.967.814

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2022</b>	5.980.549.860.000	157.292.539.068	187.499.009.876	4.542.183.640.565	16.044.918.305	10.883.569.967.814
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(424.201.990.396)	22.331.664	(424.179.658.732)
Phân bổ vào quỹ (iii)	-	-	13.823.773.157	(13.823.773.157)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.053.653.206)	-	(10.053.653.206)
Sử dụng các quỹ	-	-	(51.030.994.133)	-	-	(51.030.994.133)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2023</b>	5.980.549.860.000	157.292.539.068	150.291.788.900	4.094.104.223.806	16.067.249.969	10.398.305.661.743

(i) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 29 tháng 9 năm 2022, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ nguồn cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức. Tổng số cổ phiếu đã phát hành là 99.672.290 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 4 năm 2022, Công ty đã thông qua và triển khai phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) đối với cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản trị - điều hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen trong năm 2022. Theo đó, Công ty đã phát hành 4.900.800 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

(iii) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 1 tháng 10 năm 2022, Công ty đã trích lập 13.824 triệu VND từ lợi nhuận giữ lại đầu kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022: theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 16 tháng 11 năm 2021, Công ty đã trích lập 172.966 triệu VND từ lợi nhuận giữ lại đầu kỳ) vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích bổ sung thù lao, hoạt động từ thiện và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/3/2023		1/10/2022	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyet và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	598.054.986	5.980.549.860.000	598.054.986	5.980.549.860.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	598.054.986	5.980.549.860.000	598.054.986	5.980.549.860.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 đều bị tạm ngừng cho tới khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

Không có biến động của vốn cổ phần trong kỳ.

**26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
Trong vòng một năm	193.336.886.987	198.973.265.573
Từ hai đến năm năm	650.062.368.140	703.574.405.633
Trên năm năm	643.526.419.896	686.945.120.839
	<b>1.486.925.675.023</b>	<b>1.589.492.792.045</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/3/2023</b>		<b>1/10/2022</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	4.364.367	101.620.782.847	1.958.901	46.478.174.548

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn:

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	94.391.485.993	70.506.807.558

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	7.708.842.104.479	13.448.371.121.487
▪ Bán hàng hóa	7.307.712.549.680	16.245.271.933.691
▪ Doanh thu khác	7.233.119.586	10.046.199.833
	15.023.787.773.745	29.703.689.255.011
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	110.974.944.576	97.634.194.928
▪ Hàng bán bị trả lại	6.517.398.762	9.631.108.120
▪ Giảm giá hàng bán	8.000.178.178	2.141.727.564
	125.492.521.516	109.407.030.612
Doanh thu thuần	14.898.295.252.229	29.594.282.224.399

**28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	7.124.782.786.204	11.274.934.732.582
▪ Hàng hóa đã bán	7.207.062.441.405	14.811.545.730.274
▪ Giá vốn khác	2.522.229.138	3.371.204.809
▪ Hoàn nhập dự phòng	(529.739.305.702)	(48.097.950.952)
	13.804.628.151.045	26.041.753.716.713

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	789.798.053	6.262.452.791
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính	1.076.000.000	1.027.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	93.215.897.780	116.841.018.754
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.166.384.832	-
Doanh thu tài chính khác	251.042.787	1.146.874.220
	105.499.123.452	125.277.845.765

**30. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	104.934.036.334	127.478.392.030
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	82.359.641.078	61.067.810.008
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.270.065.379
Chi phí tài chính khác	1.278.030.468	98.862.906
	188.571.707.880	190.915.130.323

**31. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	350.131.899.692	458.935.402.422
Chi phí xuất khẩu	319.156.079.318	1.143.379.538.700
Chi phí vận chuyển nội địa	115.353.992.727	180.231.800.792
Chi phí khấu hao và phân bổ	100.748.505.207	81.262.743.928
Chi phí thuê	96.458.849.697	95.633.717.602
Chi phí quảng cáo	35.508.680.892	37.200.799.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.556.358.182	38.700.081.813
Chi phí hỗ trợ bán hàng	23.813.549.619	-
Chi phí khác	121.433.801.222	118.459.972.871
	1.204.161.716.556	2.153.804.057.868



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	70.303.804.586	117.616.722.735
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.920.660.062	31.846.862.558
Chi phí thuê	14.560.829.438	13.410.771.789
Chi phí tiếp khách	8.252.925.320	8.358.955.902
Chi phí công tác	4.398.998.398	1.753.260.270
Chi phí dịch vụ chuyên môn	3.507.312.798	3.149.887.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.365.082.723	61.128.278.091
Chi phí quản lý khác	46.266.004.343	65.822.027.435
	<b>207.575.617.668</b>	<b>303.086.766.250</b>

**33. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Tiền bồi thường thu được	11.334.694.496	3.761.493.087
Lãi do thanh lý tài sản cố định	7.129.767.219	933.996.817
Các khoản khác	19.948.494.285	11.589.380.572
	<b>38.412.956.000</b>	<b>16.284.870.476</b>

**34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	12.163.197.777.792	23.113.227.211.644
Chi phí nhân công và nhân viên	535.285.252.303	731.183.447.731
Chi phí khấu hao và phân bổ	578.937.447.189	581.033.394.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	920.858.635.868	1.958.474.047.862
Chi phí khác	532.002.521.354	587.073.886.123



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	17.258.793.652	179.906.293.195
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	1.889.955.376	-
	19.148.749.028	179.906.293.195
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	40.957.602.733	(9.094.498.215)
	60.106.351.761	170.811.794.980

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(364.073.306.971)	1.043.831.271.369
Thuế theo thuế suất của Công ty	(72.814.661.393)	208.766.254.275
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	27.585.744.758	(26.432.410.093)
Chi phí không được khấu trừ thuế	10.235.809.646	9.942.729.928
Ưu đãi thuế	(2.414.843.570)	(21.573.520.109)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận	95.624.346.944	108.740.979
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	1.889.955.376	-
	60.106.351.761	170.811.794.980

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

	31/3/2023		1/10/2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	38.561.167.844	5.471.219.934	439.151.073.149	47.918.537.545
Lỗ tính thuế	840.520.450.799	151.173.608.620	77.070.259.211	13.101.944.065
	879.081.618.643	156.644.828.554	516.221.332.360	61.020.481.610

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm như sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	77.070.259.211
2028	Chưa quyết toán	763.450.191.588
		840.520.450.799

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lỗ tính thuế bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất từ 10% đến 20% trên lợi nhuận tính thuế. Cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014 – 2015) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2016 – 2019).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 15 năm kể từ khi công ty này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2016 – 2019) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (2020 – 2028).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 15 năm kể từ khi công ty này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2019 – 2022) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (2023 – 2031).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% lợi nhuận tính thuế trong 10 năm kể từ năm 2016 và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2019 – 2020) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2021 – 2024).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2020 – 2021) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2022 – 2025).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2020 – 2021) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2022 – 2025).
- Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**36. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 và ngày 31 tháng 3 năm 2022 dựa trên số (lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) (Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong kỳ	(424.201.990.396)	873.026.140.038
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(34.921.045.602)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông	(424.201.990.396)	838.105.094.436

(\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính bằng 4% lợi nhuận thuần trong kỳ của Tập đoàn. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các năm trước.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	31/3/2023	31/3/2022
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	598.054.986	493.481.896

**(iii) (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(709)	1.698



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>31/3/2023</b>	<b>31/3/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</b>		
<b>Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm	1.782.333.743.989	2.565.540.298.792
Cho thuê tài sản	2.321.357.990	1.743.176.172
Bán khác	-	165.940.400
Bán tài sản cố định	-	278.700.000
Cung cấp dịch vụ gia công	30.294.434	8.917.568
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	6.344.400	-
Mua dịch vụ vận chuyển	27.722.028.272	35.251.159.727
Mua hàng hóa	357.437.489	204.400.000
Mua tài sản cố định	18.000.000	-
Mua dịch vụ gia công	1.898.200	6.068.400
Thuê hoạt động	5.929.371.764	6.608.763.636
Chiết khấu thương mại	68.790.687.812	22.686.404.183
Hàng bán bị trả lại	2.198.187.553	2.879.278.206
Giảm giá hàng bán	13.172.799	-
Lãi trả chậm	1.741.543	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An</b>		
Chi phí vận chuyển	18.722.486.221	31.102.809.848
Cho thuê tài sản	108.000.000	115.500.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<b>Thù lao</b>		
Ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch	252.000.000	252.000.000
Ông Trần Ngọc Chu – Phó Chủ tịch	564.000.000	564.000.000
Ông Trần Quốc Trí – Thành viên	294.000.000	294.000.000
Ông Lý Văn Xuân – Thành viên	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Văn Luân – Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Đinh Viết Duy – Thành viên	150.000.000	150.000.000
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và các khoản trợ cấp	1.098.852.815	1.400.795.124
<b>Các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Lương, thưởng và các khoản trợ cấp	7.156.273.241	8.504.081.728



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	60.530.297.809	131.482.180.414

**39. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 13/NQ/HĐQT/2023 ngày 18 tháng 5 năm 2023, Công ty đã thông qua chủ trương triển khai chi trả cổ tức của niên độ tài chính 2021 – 2022 bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 30/9/2022. Tỷ lệ chi trả cổ tức là 3% trên mệnh giá cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu dự định phát hành là 17.941.649 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**40. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

